

Số: 03 /HD-PGD&ĐT

Long Biên, ngày 28 tháng 9 năm 2020

HƯỚNG DẪN
Về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp THCS

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thống nhất việc kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn chuyên môn các môn học và nguyên tắc sử dụng các loại hồ sơ, sổ sách thực hiện trong năm học 2020-2021, cụ thể như sau:

I. Các loại kiểm tra, đánh giá và hệ số điểm kiểm tra, đánh giá

1. Đánh giá thường xuyên (hệ số 1)

2. Đánh giá định kì

- Kiểm tra, đánh giá giữa kì (hệ số 2)

- Kiểm tra, đánh giá cuối kì (hệ số 3)

3. Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì

- Môn Toán, Văn: 90 phút

- Các môn còn lại: 45 phút

- Thời điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì:

+ Học kì I: Từ tuần 8 đến hết tuần 10

+ Học kì II: từ tuần 25 đến hết tuần 27

Tùy theo đặc điểm của từng môn học, các nhà trường thống nhất thời điểm kiểm tra các môn sao cho tránh chồng chéo gây áp lực cho học sinh; xây dựng lịch kiểm tra giữa kì để tổ chức thực hiện.

II. Số lượng điểm kiểm tra, đánh giá

(Theo biểu đính kèm)

III. Ra đề kiểm tra, đánh giá định kì (kiểm tra trên giấy)

1. Cấu trúc đề kiểm tra:

1.1. Về mức độ nhận thức:

- Khoảng: 40% nhận biết, 30% thông hiểu, 20% vận dụng và 10% vận dụng cao

- Cập nhật yêu cầu đổi mới tuyển sinh vào 10 THPT, khuyến khích nâng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ vận dụng và vận dụng cao.

1.2. Về kiến thức

a) Đối với môn Toán

- Bài kiểm tra giữa kì:



- + 20% trắc nghiệm (08 câu hỏi x 0.25 điểm)
- + 80% tự luận
- Bài kiểm tra cuối kì và khảo sát (lớp 9): 100% tự luận, tỉ lệ cụ thể như sau:
- + Lớp 6: Từ **65% đến 70%** số học, **30% đến 35%** hình học
- + Lớp 7,8, 9: Từ **60% đến 65%** đại số; **35 % đến 40%** hình học

b) Đối với môn Tiếng Anh

- Bài kiểm tra giữa kì và cuối kì (gồm 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết), trong đó:

- + Bài viết (8 điểm): ít nhất có 80% trắc nghiệm
- + Bài nói (2 điểm)

c) Đối với môn ngữ văn: 100% tự luận, áp dụng cho cả giữa kì, cuối kì và khảo sát, tỉ lệ cụ thể:

- Lớp 6,7,8: **50%** đọc hiểu, **50%** tạo lập văn bản
- Lớp 9: Từ **45 % đến 50%** đọc hiểu; **50% đến 55%** tạo lập văn bản

d) Đối với các môn: GDCD, Hóa học, Sinh học, Vật lí, Địa lí, Lịch sử:

- Bài kiểm tra thường xuyên (15p): 100% TNKQ (số lượng câu hỏi và tỉ lệ mức độ nhận thức do BGH nhà quyết định sao cho phù hợp với thực tế của nhà trường)

- Bài kiểm tra định kì:

+ **Đối với khối 6, 7, 8:** 50% TNKQ; 50% tự luận. BGH nhà trường quyết định số lượng câu hỏi TNKQ (*khoảng 15 đến 20 câu*) và tỉ lệ mức độ nhận thức cho phù hợp với thực tế.

+ **Đối với khối 9:**

HK I: 50% TNKQ (20 câu x 0.25 điểm); 50% tự luận

HK II: 70% TNKQ (28 câu x 0.25 điểm); 30% tự luận

Môn thi thứ 4 (sau khi Sở GD&ĐT công bố): Đề kiểm tra cuối kì: 100% TNKQ (40 câu x 0.25 điểm). Đề khảo sát 100% TNKQ, thời gian làm bài 60 phút.

1.3. Số lượng đề thi: Các đề kiểm tra đối với 07 môn: Tiếng Anh, GDCD, Hóa học, Sinh học, Vật lí, Địa lí, Lịch sử, yêu cầu có ít nhất 4 mã đề đảm bảo sự khách quan, tạo sự nghiêm túc cho HS trong quá trình làm bài;

(Đề kiểm tra định kì cập nhật trên trang Web của nhà trường sau khi thời gian kiểm tra 01 tuần).

2. Quy trình ra đề kiểm tra:

- Bước 1: Tổ nhóm chuyên môn thống nhất ma trận đề kiểm tra (kiến thức, mức độ nhận thức), trọng số điểm, mức độ nhận thức, số lượng câu hỏi theo các chủ đề.

- Bước 2: Giáo viên xây dựng đề kiểm tra theo ma trận;

- Bước 3: Tổ, nhóm chuyên môn duyệt chất lượng đề và nộp về BGH;
- Bước 4: Ban giám hiệu duyệt đề và lựa chọn đề chính thức để kiểm tra
- Bước 5: Tiến hành bắt thăm đề, in sao, bảo mật đề
- Bước 6: Tổ chức kiểm tra
- Bước 7: Cập nhật đề trên trang Web của trường

Yêu cầu: Ra đề đúng kỹ thuật, duyệt đề đúng qui trình, bảo mật, in sao đề đúng qui chế. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trong việc bảo mật đề thi.

III. Các qui định về chuyên môn các bộ môn

(Theo hướng dẫn chuyên môn đính kèm)

IV. Sử dụng hồ sơ, sổ sách

Các trường thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo tại Điều 21 thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT Ban hành điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2020)

1. Qui định chung

- Thực hiện nghiêm túc theo đúng hướng dẫn được quy định đối với từng loại sổ sách;

- Các loại hồ sơ, sổ sách được sự kiểm tra, nhận xét, đánh giá của BGH định kỳ ít nhất 1 lần/tháng và được lưu giữ đúng vị trí do nhà trường quy định.

- Các loại hồ sơ, sổ sách theo dõi trên phần mềm, thực hiện việc cập nhật theo đúng tiến độ qui định đối với từng loại hồ sơ.

2. Một số hồ sơ không qui định trong Điều lệ

- Lịch báo giảng của giáo viên; theo dõi mượn, trả đồ dùng dạy học của nhân viên thiết bị; Triển khai cập nhật đăng kí trực tuyến;

- Sổ theo dõi dự giờ: lưu hồ sơ theo các phiếu dự giờ.

Trên đây là hướng dẫn một số nhiệm vụ chuyên môn năm học 2020-2021, đề nghị Hiệu trưởng nhà trường triển khai và thực hiện theo qui định, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh về phòng Giáo dục và Đào tạo (qua tổ THCS) để phối hợp giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Như trên (đề t/h);
- Tổ THCS;
- Lưu, VP (3).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG**



Đào Thị Hoa

TỔNG HỢP ĐẦU ĐIỂM ĐDGtx, ĐDGgk, ĐDGck CÁC MÔN

TT	Môn	Học kỳ	Khối 6				Khối 7				Khối 8				Khối 9	
			Số tiết/tuần	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	Số tiết/tuần	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	Số tiết/tuần	ĐDGtx	ĐDGgk	ĐDGck	Số tiết/tuần	ĐDGtx
1	Toán học	I	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4
		II	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4
2	Vật Lý	I	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	2	3
		II	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	2	3
3	Hóa học	I									2	3	1	1	2	3
		II									2	3	1	1	2	3
4	Sinh học	I	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3
		II	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3
5	Ngữ Văn	I	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4	1	1	5	4
		II	4	4	1	1	4	4	1	1	4	4	1	1	5	4
6	Lịch Sử	I	1	2	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	1	3
		II	1	2	1	1	2	3	1	1	1	3	1	1	2	3
7	Địa lý	I	1	2	1	1	2	3	1	1	1	3	1	1	2	3
		II	1	2	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	1	3
8	Tiếng Anh	I	3	4	1	1	3	4	1	1	3	4	1	1	3	4
		II	3	4	1	1	3	4	1	1	3	4	1	1	3	4
9	Công nghệ	I	2	3	1	1	1	3	1	1	2	3	1	1	1	2
		II	2	3	1	1	2	3	1	1	1	3	1	1	1	2
10	GDCD	I	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2
		II	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2
11	Thể dục	I	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3
		II	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3	1	1	2	3
12	Âm nhạc	I	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1		
		II	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2
13	Mỹ thuật	I	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2
		II	1	2	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1		
14	Tin học	I	2	3	1	1	2	3	1	1						
		II	2	3	1	1	2	3	1	1						
Tổng số		I	25				26				26				26	
		II	25				27				25				26	